

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Sinh học; Chuyên ngành: Động vật học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Văn Anh

2. Ngày tháng năm sinh: 02/02/1984; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Mường Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng CSVN:

4. Quê quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 22, Tổ 14, P. Quyết Thắng, TP Sơn La, Tỉnh Sơn La

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Sinh – Hóa, Trường Đại học Tây Bắc, Tổ 2 Phường Quyết Tâm, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La

Điện thoại nhà riêng:.....; Điện thoại di động: 0982.858.128;

E-mail: phamanh@utb.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Chức vụ	Cơ quan
10/2008 -9/2009	Giảng viên	Khoa Sinh – Hóa,

Thời gian	Chức vụ	Cơ quan
		Trường ĐH Tây Bắc
10/2009-9/2010	Giảng viên, Bí thư chi đoàn GVCB	Khoa Sinh – Hóa, Trường ĐH Tây Bắc
10/2010-12/2012	Giảng viên, Bí thư Liên chi đoàn	Khoa Sinh – Hóa, Trường ĐH Tây Bắc
1 - 5/2013	Giảng viên	Khoa Sinh – Hóa, Trường ĐH Tây Bắc
6/2013 -9/2015	Giảng viên, Phó trưởng bộ môn	Khoa Sinh – Hóa, Trường ĐH Tây Bắc
10/2015-12/2017	Giảng viên, Ủy viên Ban chỉ ủy, chi bộ Khoa, Phó trưởng bộ môn	Khoa Sinh – Hóa, Trường ĐH Tây Bắc
1/2018-3/2018	Giảng viên, Phó trưởng bộ môn	Khoa Sinh – Hóa, Trường ĐH Tây Bắc
4/2018-6/2019	Giảng viên chính, Phó trưởng bộ môn, Trưởng Ban thư ký Tạp chí khoa học	Khoa Sinh – Hóa, Trường ĐH Tây Bắc

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng bộ môn, Trưởng Ban thư ký Tạp chí khoa học; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Ban thư ký Tạp chí khoa học

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Sinh - Hóa, Trường ĐH Tây Bắc

Địa chỉ cơ quan: Tổ 2 Phường Quyết Tâm, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La

Điện thoại cơ quan: 0212.701.700

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (Nếu có):.....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng:.....năm:.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (Tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):.....

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 23/6/2006, ngành: Sư phạm Sinh học, Chuyên ngành: Động vật học
- Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường ĐH Tây Bắc, Thuận Châu, Sơn La, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 17/03/2009, ngành: Sinh học, chuyên ngành: Động vật học
Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Việt Nam
 - Được cấp bằng TS ngày 30/6/2016, ngành: Sinh học, chuyên ngành: Động vật học
Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Việt Nam
10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng năm..., ngành:
11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên
12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học
13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:
- Phân loại và đa dạng động vật, tập trung nhóm lưỡng cư, bò sát;
 - Sinh học, sinh thái học động vật.
14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Kết quả đào tạo:

- Đã hướng dẫn (số lượng): NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng): 03 HVCH đã bảo vệ thành công luận văn ThS.

Đã hoàn thành đề tài NCKH:

- Đã hoàn thành (số lượng) 2 đề tài NCKH, trong đó gồm: 1 đề tài cấp cơ sở (2015) nghiệm thu đạt loại xuất sắc và 1 đề tài cấp Bộ (2016) nghiệm thu đạt loại xuất sắc.

Bài báo khoa học:

- Chỉ số H-Index của ứng viên (7/2019):
 - o Scopus Preview: 4
 - o ResearchGate: 5 (ResearchGate Score: 11.73)
- Đã công bố (số lượng) 52 bài báo khoa học, trong đó
 - o Bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có mã số chuẩn quốc tế ISSN thuộc danh mục trong Web of Science (ISI) và danh mục Scopus: 19
 - Bài báo thuộc danh mục SCI: 2
 - Bài báo thuộc danh mục SCIE: 13

- Bài báo ISI/Scopus: 4
- Bài báo Q₂: 8
- Bài báo Q₃: 10
- Bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc gia: 14
- Bài báo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc gia: 19
- Đã được cấp (số lượng)..... bằng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản, trong đó... thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Giải thưởng quốc gia (số lượng): 03, trong đó: 01 giải thưởng Quả cầu vàng Việt Nam (2014); 01 Giải thưởng Môi trường Việt Nam (2017); 01 Giải thưởng giảng viên trẻ nghiên cứu khoa học cấp bộ (2018).
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.
- Danh sách 5 công trình KH tiêu biểu nhất:
 - 1) Nguyen, T. Q., Le, M. D., **Pham, A. V.**, Ngo, H. N., Hoang, C. V., Pham, C. T. & Ziegler, T., 2015. Two new species of *Cyrtodactylus* (Squamata: Gekkonidae) from the karst forest of Hoa Binh Province, Vietnam. *Zootaxa*, 3985(3), 375-390 (SCIE, Q2, IF 0,994).
 - 2) **Pham, A. V.**, Dzung Trung Le, Pham, C. T., Son Hung Lan Nguyen, Ziegler, T., Nguyen, T. Q., 2016. Two additional records of megophryid species, *Leptolalax minimus* (Taylor, 1962) and *Leptobrachium masatakasatoi* Matsui, 2013, for the herpetofauna of Vietnam. *Revue suisse de Zoologie*, Vol.123 (1) 43-47 (SCI, Q2, IF 0,431).
 - 3) Nguyen, T. Q., **Pham, A. V.**, Ziegler, T., Hanh Thi Ngo, Le, M. D., 2017. A new species of *Cyrtodactylus* (Squamata: Gekkonidae) and the first record of *C. otai* from Son La Province, Vietnam. *Zootaxa* 4341 (1): 25-40 (SCIE, Q2, IF 0,931).
 - 4) **Pham, V. A.**, Le, D. M., Ngo, T. H., Ziegler, T. and Nguyen, Q. T., 2019. A new species of *Cyrtodactylus* (Squamata: Gekkonidae) from northwestern Vietnam. *Zootaxa* 4544 (3): 360-380 (SCIE, Q2, IF 0,931).

- 5) **Pham, V. A.**, Song, B. N., Pham, T. C, Le, D. M., Ziegler, T. and Nguyen, Q. T., (2019). A new species of *Amolops* (Anura: Ranidae) from Vietnam. *Raffles Bulletin of Zoology* 67: 363-377 (SCI, Q2, IF 0,716).

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở của Trường Đại học Tây Bắc các năm: 2014, 2015, 2016, 2017, 2018.
- Chiến sĩ thi đua cấp bộ: 2016
- Giải thưởng khoa học kỹ thuật “Quả cầu vàng” năm 2014 của Trung ương đoàn phối hợp với Bộ khoa học công nghệ tổ chức (Cúp biểu trưng).
- Huy hiệu “*Tuổi trẻ Sáng tạo*” của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về đạt thành tích xuất sắc trong việc hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học năm 2014.
- Danh hiệu lao động sáng tạo tỉnh Sơn La năm 2015, 2016 & 2017.
- Đạt “Danh hiệu điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua yêu nước ngành Giáo dục giai đoạn 2010 – 2015 của Ngành Giáo dục Việt Nam”.
- Đạt giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2017 do Bộ Tài nguyên và Môi trường trao tặng.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về đạt thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học năm 2017.
- Đạt Giải nhì Giải thưởng Khoa học công nghệ dành cho Giảng viên trẻ trong các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam năm 2018.

16. Kỷ luật: không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá).

Tiêu chuẩn:

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với môi trường giáo dục; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.
- Trung thực, khách quan và hợp tác tốt với đồng nghiệp trong các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Đã được đào tạo bài bản, đảm bảo trình độ chuẩn về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.

- Có đủ sức khỏe theo yêu cầu của nghề nghiệp để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Nhiệm vụ:

- Thực hiện nhiệm vụ của giảng viên theo quy định của Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học, chế độ làm việc của giảng viên và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Thực hiện công tác giảng dạy theo đúng kế hoạch, đảm bảo đầy đủ về số lượng và có chất lượng các chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học được cơ sở đào tạo phân công.

- Tham gia biên soạn, xây dựng chương trình phục vụ đào tạo trình độ đại học và sau đại học; hướng dẫn sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp đại học; học viên làm luận văn thạc sĩ; báo cáo và tham gia các hoạt động chuyên môn khác như: seminar, dự giờ, thao giảng, sinh hoạt chuyên môn...

- Nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ phù hợp và đảm bảo chất lượng đào tạo; luôn thực hiện vượt định mức nghiên cứu hằng năm đối với giảng viên giáo dục đại học.

- Luôn gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của cơ sở đào tạo.

- Luôn rèn luyện đạo đức, giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng và đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.

- Không ngừng tự học, tự bồi dưỡng và rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, làm gương tốt cho người học.

- Có tác phong làm việc khoa học, luôn định hướng, giúp đỡ đồng nghiệp cùng chuyên môn hoàn thành tốt các nhiệm vụ nghiên cứu của giảng viên.

- Hợp tác với đồng nghiệp về chuyên môn, nghiên cứu; hợp tác với địa phương để thực hiện các nhiệm vụ tư vấn khoa học, chuyển giao khoa học và công nghệ.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 11 năm đào tạo trình độ đại học và Cao học.

(Khai cụ thể ít nhất 6 thâm niên, trong đó có 3 thâm niên cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ).

- Căn cứ Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;

- Căn cứ Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Thông tư số: 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 về Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, áp dụng từ ngày 25/3/2015.

- Căn cứ Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành theo Hướng dẫn số 120/HD-ĐHTB-TCCB ngày 16/3/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc;

- Căn cứ Quy định Chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Tây Bắc (Ban hành theo Quyết định số 182/QĐ-ĐHTB ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc).

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD khóa luận tốt nghiệp ĐH và các hoạt động khác quy đổi ra giờ chuẩn*	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014				129	180		180/309
2	2014-2015				114	210		210/324
3	2015-2016				165,5	150		150/315,6
3 thâm niên cuối								
4	2016-2017				174,6	246,8	45	291,8/466,4
5	2017-2018			2 (10 t)	124,5	222	45	267/411,5
6	2018-2019			1 (20 t)	169,1	216,8	45	261,8/450,9

* Ghi chú:

- Từ năm học 2013-2014 đến năm học 2015-2016 được giảm trừ 50% giờ chuẩn theo quy định cơ quan đối với NCS.

- Số giờ giảng dạy thực và các hoạt động quy đổi ra giờ chuẩn xem chi tiết tại minh chứng mục kê khai khối lượng giảng dạy đính kèm;

- So với quy định tôi đã hoàn thành vượt định mức giảng dạy hàng năm, cụ thể: Năm học 2013-2014 vượt 169 giờ; Năm học 2014-2015 vượt 184 giờ; Năm học 2015-2016 vượt 180,6 giờ; Năm học 2016-2017 vượt 196,38 giờ; Năm học 2017-2018 vượt 141,5 giờ và Năm học 2018-2019 vượt 180,9 giờ.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước: ...; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: ... năm ...

- Thực tập dài hạn (> 2 năm) ; Tại nước : CHLB Đức (1/2012–3/2014)

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ... số bằng: ...; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):.....

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Sử dụng thành thạo Tiếng Anh phục vụ cho công tác chuyên môn theo điểm a, khoản 5 điều 2 trong Quyết định 37/2018/QĐ-TTg: Đọc hiểu được bài báo và các tài liệu chuyên môn; viết được các bài báo quốc tế; trình bày, thảo luận (nghe, nói) chuyên môn bằng Tiếng Anh; Đã từng được cấp chứng chỉ B2.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Sử dụng thành thạo Tiếng Anh phục vụ cho công tác chuyên môn (có các bài báo quốc tế viết bằng Tiếng Anh) và có khả năng giao tiếp (Minh chứng là các bài báo Quốc tế là tác giả chính và đồng tác giả theo điểm a, khoản 5 điều 2 trong Quyết định 37/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính Phủ).

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng):

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Hoàng Lê Quốc Thắng		x	x		Từ 3/7/2017 đến 24/11/2017	Trường ĐH Tây Bắc	2017
2	Bùi Thế Quyền		x	x		Từ 3/7/2017 đến 24/11/2017	Trường ĐH Tây Bắc	2017
3	Trần Văn Huy		x	x		12/2017-11/2018	Trường ĐH Tây Bắc	2018

Ghi chú: Ứng viên GS chỉ kê khảo số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1						
...						

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS):

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	ĐT: Nghiên cứu khu hệ lưỡng cư (Amphibia) tại huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	CN	TB2015-12/ cấp cơ sở	12/2014-12/2015	Ngày 05/12/2015
2	ĐT: Nghiên cứu đa dạng sinh học (thảm thực vật, côn trùng, lưỡng cư và bò sát) của rừng sau cháy tại khu rừng đặc dụng Cópia, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	CN	B2016-TTB-01/Cấp bộ Giáo dục và Đào tạo	1/2016-12/2017	Ngày 03/03/2018

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi đạt công nhận chức danh PGS và sau khi đạt công nhận chức danh PGS)

○ *Tạp chí quốc tế uy tín có mã chuẩn quốc tế ISSN thuộc danh mục trong Web of Science (ISI) và Scopus*

(Có * ở cột số tác giả là tác giả chính bài báo; không có dấu * ở cột số tác giả là đồng tác giả bài báo)

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
1.	First records of <i>Leptolalax eos</i> Ohler, Wollenberg, Grosjean, Hendrix, Vences, Ziegler et	5*	Russian Journal of Herpetology	SCIE, Q3 SJR:0,19	6	21/3	195-200	2014

	Dubois, 2011 and <i>Hylarana cubitalis</i> (Smith, 1917) (Anura: Megophryidae, Ranidae) from Vietnam							
2.	New records of snakes (Squamata: Serpentes) from Son La Province, Vietnam	3*	Herpetology Notes	ISI/scopus, Q3 SJR:0,27	9	7	771-777	2014
3.	<i>Babina lini</i> (Chou, 1999) and <i>Hylarana menglaensis</i> Fei, Ye et Xie, 2008, two additional anuran species for the herpetofauna of Vietnam	5	Russian Journal of Herpetology	SCIE, Q3 SJR:0,19	14	21/4	315-321	2014
4.	First records of <i>Megophrys daweimontis</i> Rao and Yang, 1997 and <i>Amolops vitreus</i> (Bain, Stuart and Orlov, 2006) (Anura: Megophryidae, Ranidae) from Vietnam.	5	Asian Herpetological Research	SCIE IF:0,671 Q3	4	6/1	66-72	2015
5.	Review of the genus <i>Sinonatrix</i> in Vietnam with a new country record of <i>Sinonatrix yunnanensis</i> Rao et Yang, 1998	6	Russian Journal of Herpetology	SCIE Q3 SJR:0,19	4	22/2	84-88	2015
6.	A new species of <i>Tylototriton</i> Anderson, 1871 (Amphibia: Salamandridae) from northern Indochina	8	Current Herpetology	SCIE IF:0,524 Q3	25	34/1	38-50	2015
7.	New provincial records of skinks (Squamata: Scincidae) from northwestern Vietnam	5*	Biodiversity Data Journal	SCIE Q2 SJR:0,52	4	3/e42 84	1-21	2015

8.	Two new species of <i>Cyrtodactylus</i> (Squamata: Gekkonidae) from the karst forest of Hoa Binh Province, Vietnam.	7	Zootaxa	SCIE IF:0,994 Q2	12	3985/ 3	375- 390	2015
9.	First record of <i>Parafimbrios lao</i> Teynié, David, Lottier, Le, Vidal & Nguyen, 2015 (Squamata: Xenodermatidae) from Vietnam	5	Russian Journal of Herpetology	SCIE Q3 SJR:0,25	5	22/4	297- 300	2015
10.	Two additional records of megophryid species, <i>Leptolalax minimus</i> (Taylor, 1962) and <i>Leptobrachium masatakasatoi</i> Matsui, 2013, for the herpetofauna of Vietnam	6*	Revue suisse de Zoologie	SCI IF:0,431 Q2	11	123/1	35-43	2016
Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
11.	A new species of <i>Cyrtodactylus</i> (Squamata: Gekkonidae) and the first record of <i>C. otai</i> from Son La Province, Vietnam	5	Zootaxa	SCIE IF:0,972 Q2	3	4341 (1)	25-40	2017
12.	New records of amphibians and reptiles from Ha Giang Province, Vietnam	5*	Herpetology Notes	ISI/sco pus Q3 SJR:0,32	5	10	183- 191	2017

13.	New records of tree frogs (Anura: Rhacophoridae: Rhacophorus) from Son La Province, Vietnam.	4*	Herpetology Notes	ISI/sco pus Q3 SJR:0,32	2	10	379-386	2017
14.	A new species of <i>Parafimbrios</i> from northern Vietnam (Squamata: Xenodermatidae)	6	Zootaxa	SCIE IF:0,931 Q2	1	4527 (2)	269-276	2018
15.	New records and an updated list of lizards from Son La Province, Vietnam	5*	Herpetology Notes	ISI/sco pus Q3 SJR:0,27	3	11	209-216	2018
16.	A new species of <i>Cyrtodactylus</i> (Squamata: Gekkonidae) from northwestern Vietnam	5*	Zootaxa	SCIE IF:0,931 Q2	1	4544 (3)	360-380	2019
17.	Three new species of the snake genus <i>Achalinus</i> from Vietnam (Squamata: Xenodermatidae)	9	Zootaxa	SCIE IF:0,931 Q2	1	4590 (2)	249-269	2019
18.	A new species of <i>Amolops</i> (Anura: Ranidae) from Vietnam.	6*	Raffles Bulletin of Zoology	SCI IF: 0,716 Q2		67	363-377	2019
19.	First record of <i>Megophrys gigantea</i> Liu, Hu & Yang, 1960 (Anura: Megophryidae) from Vietnam.	4	Russian Journal of Herpetology	SCIE Q3 SJR:0,3		Chuẩn bị xuất bản, đã lên bản Proof	1-4	2019

○ Tạp chí khoa học trong nước

(Có * ở cột số tác giả là tác giả chính bài báo; không có dấu * ở cột số tác giả là đồng tác giả bài báo)

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
1.	A survey of science Amphibians and Reptiles in the Xuan Lien nature reserve, Thanh Hoa province	2*	VNU Journal of Science			54/6	90-100	2009
2.	Lần đầu tiên ghi nhận ba loài ếch thuộc họ Cóc bùn Megophryidae (Amphibia: Anura) ở tỉnh Sơn La	5*	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		1	30/1s	1-6	2014
3.	Đa dạng thành phần loài lưỡng cư, bò sát ở xã Chiềng Pắc, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	4*	Tạp chí khoa học trường Đại học Tây Bắc			2	9-16	2015
Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
4.	Đang dạng thành phần loài rắn (Serpentes: Reptilia) ở xã Mường Do, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	4*	Tạp chí khoa học Trường Đại học Tây Bắc			4	1-8	2016
5.	Thành phần bộ sưu tập mẫu lưỡng cư, bò sát và thú tại khoa sinh hóa, Trường Đại học Tây Bắc	2	Tạp chí khoa học Trường Đại học Tây Bắc			4	62-69	2016
6.	Thành phần loài lưỡng cư và bò sát ở xã Chiềng Mai, huyện Mai Sơn, tỉnh	5*	Tạp chí Khoa học Đại học Tây bắc			8	60-69	2017

	Sơn La							
7.	Ghi nhận vùng phân bố mới của hai loài rắn nước <i>Myrrophis chinensis</i> (Gray, 1842) và <i>Sinonatrix aequifasciata</i> (Barbour, 1908) (Reptilia: Squamata: Serpentes) ở tỉnh Bắc Kạn	2*	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên			171/11	39-42	2017
8.	Các loài Ếch cây sần giống <i>Theلودerma</i> (Amphibia: Anura: Rhacophoridae) ở tỉnh Sơn La	2*	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ	1		34/1	48-54	2018
9.	Ghi nhận vùng phân bố mới của hai loài ếch <i>Nidirana chapaensis</i> (Bourret, 1937) và <i>Sylvirana menglaensis</i> (Fei, Ye, and Xie, 2008) (Amphibia: Anura: Ranidae) ở tỉnh Lai Châu	3*	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên			180/4	67-71	2018
10.	Thành phần thức ăn của loài Ếch gai vân nam <i>Nanorana yunnanensis</i> (Anderson, 1879) ở tỉnh Sơn La	2*	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ			34/3	10-16	2018
11.	Cập nhật thành phần loài lưỡng cư (amphibia) và bò sát (reptilia) ở tỉnh Thái Nguyên	2	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên			194/1	127-132	2018
12.	Ghi nhận mới về sự phân bố của một số loài rắn (Reptilia: Squamata: Serpentes) ở tỉnh Lai Châu	2*	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ			35/1	97-103	2019

13.	Đa dạng các loài ếch cây họ Rhacophoridae (Amphibia: Anura) ở tỉnh Lai Châu	4*	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ			35/2	73-79	2019
14.	Diet of <i>Odorrana chapaensis</i> (Bourret, 1937) from Son La Province	3*	Academia journal of Biology				Đã chấp nhận đăng, đã lên bản Proof (Giấy xác nhận)	2019

o *Kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế, quốc gia*

(Có * ở cột số tác giả là tác giả chính bài báo; không có dấu * ở cột số tác giả là đồng tác giả bài báo)

T	T	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
1.		Sự đa dạng và hiện trạng các loài Lưỡng cư, Bò sát ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, tỉnh Thanh Hóa.	2	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về Lưỡng cư, Bò sát ở Việt Nam lần thứ nhất. Nxb Đại học Huế, ISBN.			99-109	2009
2.		Lần đầu tiên ghi nhận hai loài <i>Nanorana aenea</i> (Smith, 1922) và <i>Gracixalus quangii</i> Rowley, Dau, Nguyen, Cao & Nguyen, 2011 ở tỉnh Sơn La	4*	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về Lưỡng cư, Bò sát ở Việt Nam lần thứ hai. Nxb Đại học Vinh, ISBN 978-604-923-035-6.	4		30-34	2012

3.	Dẫn liệu về thành phần thức ăn của một số loài Lưỡng cư ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, tỉnh Thanh Hóa	2*	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về Lưỡng cư, Bò sát ở Việt Nam lần thứ hai. Nxb Đại học Vinh, ISBN 978-604-923-035-6.			35-40	2012
4.	Ghi nhận mới về sự phân bố của một số loài rắn (Reptilia: Squamata: Serpentes) ở tỉnh Sơn La	5*	Kỷ yếu hội nghị toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, lần 5. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN 978-604-60-0730-2.	1		16-22	2013
5.	Thành phần loài lưỡng cư (Amphibia) và bò sát (reptilia) ở thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	6*	Kỷ yếu hội nghị toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, lần 6. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN 978-604-913-408-1.	1		461-467	2015
Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ							
6.	Đa dạng loài của họẾch nhái chính thức (Amphibia: Anura: Dicroglossidae) ở tỉnh Sơn La	7*	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về Lưỡng cư, Bò sát ở Việt Nam lần thứ 3. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN 978-604-913-502-6.	2		133-139	2016
7.	Các loài nhái bầu (Amphibia: Anura: Microhylidae) ở tỉnh Sơn La	6*	Kỷ yếu Hội nghị Toàn quốc về nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học, lần 2. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, ISBN 978-604-62-5440-9.	4		37-42	2016
8.	Thành phần loài lưỡng cư (Amphibia) và bò sát (Reptilia) ở khu vực Mường Bang, Phù Yên, Sơn La	3	Kỷ yếu hội nghị toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, lần 7. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công			671-679	2017

			nghệ, ISBN 978-604-913-615-3.				
9.	Thành phần loài lưỡng cư (Amphibia) và bò sát (Reptilia) ở khu vực đèo Pha Đin, tỉnh Sơn La và tỉnh Điện Biên	7*	Kỷ yếu hội nghị toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, lần 7. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN 978-604-913-615-3.			456-462	2017
10.	Bổ sung dẫn liệu về hình thái và di truyền của loài <i>Cyrtodactylus bichnganae</i> (Reptilia: Gekkonidae)	7*	Kỷ yếu hội nghị toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, lần 7. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN 978-604-913-615-3.	1		546-552	2017
11.	Đa dạng thành phần loài và sự phân bố của các loài chim tại Khu bảo tồn thiên nhiên Sốp Cộp, Sơn La	4	Kỷ yếu Hội nghị Toàn quốc về nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học, lần 3. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN 978-604-913-695-5.			91-98	2018
12.	Ghi nhận bổ sung hai loài ếch suối ở tỉnh Lai Châu: <i>Odorrana jingdongensis</i> Fei, Ye, and Li, 2001 và <i>O. nasica</i> (Boulenger, 1903) (Amphibia: Ranidae).	3	Kỷ yếu Hội nghị Toàn quốc về nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học, lần 3. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN 978-604-913-695-5.			271-277	2018
13.	Ghi nhận vùng phân bố mới của một số loài lưỡng cư (Anura: <i>Megophrys</i> ; <i>Amolops</i> ; <i>Rhacophorus</i>) ở Tỉnh Thái Nguyên	2	Kỷ yếu Hội nghị Toàn quốc về nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học, lần 3. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN 978-604-913-695-5.			291-297	2018

14.	New records of reptiles from Tuyen Quang province, Vietnam	6	Kỷ yếu Hội nghị Toàn quốc về nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học, lần 3. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN 978-604-913-695-5.			371-381	2018
15.	Thành phần loài và đặc điểm phân bố của lưỡng cư, bò sát ở khu vực rừng Tông Lạnh, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La	5*	Kỷ yếu Hội nghị Toàn quốc về nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học, lần 3. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN 978-604-913-695-5.			610-618	2018
16.	Thành phần thức ăn của loài Ngóe <i>Fejervarya limnocharis</i> (Gravenhorst, 1829) ở Tỉnh Sơn La	3*	Kỷ yếu Hội nghị Toàn quốc về nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học, lần 3. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN 978-604-913-695-5.			659- 666	2018
17.	Thành phần loài lưỡng cư (Amphibia) và bò sát (Reptilia) ở khu vực rừng xã Pú Bấu, Huyện Sông Mã, Tỉnh Sơn La	2*	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về Lưỡng cư, Bò sát ở Việt Nam lần thứ 3. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN.			Đã chấp nhận đăng (Giấy xác nhận)	2019
18.	Thành phần loài và đặc điểm phân bố theo sinh cảnh của lưỡng cư (Amphibia) ở khu vực rừng xã Mường Do, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	3*	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về Lưỡng cư, Bò sát ở Việt Nam lần thứ 3. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN.			Đã chấp nhận đăng (Giấy xác nhận)	2019

19.	Ghi nhận mới hai loài Cóc mà nhỏ <i>Leptobrachella minima</i> (Taylor, 1962) và Chàng tai đen <i>Sylvirana cubitalis</i> (Smith, 1917) ở tỉnh Lai Châu	5	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về Lưỡng cư, Bò sát ở Việt Nam lần thứ 3. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN.			Đã chấp nhận đăng (Giấy xác nhận)	2019
-----	--	---	--	--	--	-----------------------------------	------

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS: 9 bài

(Có * ở cột số tác giả là tác giả chính bài báo; không có dấu * ở cột số tác giả là đồng tác giả bài báo)

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
1.	A new species of <i>Cyrtodactylus</i> (Squamata: Gekkonidae) and the first record of <i>C. otai</i> from Son La Province, Vietnam	5	Zootaxa	SCIE IF:0,972 Q2	3	4341 (1)	25-40	2017
2.	New records of amphibians and reptiles from Ha Giang Province, Vietnam	5*	Herpetology Notes	ISI/scopus Q3 SJR:0,32	5	10	183-191	2017
3.	New records of tree frogs (Anura: Rhacophoridae: Rhacophorus) from Son La Province, Vietnam.	4*	Herpetology Notes	ISI/scopus Q3 SJR:0,32	2	10	379-386	2017
4.	A new species of <i>Parafimbrios</i> from northern Vietnam (Squamata:	6	Zootaxa	SCIE IF:0,931 Q2	1	4527 (2)	269-276	2018

	Xenodermatidae)							
5.	New records and an updated list of lizards from Son La Province, Vietnam	5*	Herpetology Notes	ISI/scopus Q3 SJR:0,27	3	11	209-216	2018
6.	A new species of <i>Cyrtodactylus</i> (Squamata: Gekkonidae) from northwestern Vietnam	5*	Zootaxa	SCIE IF:0,931 Q2	1	4544 (3)	360-380	2019
7.	Three new species of the snake genus <i>Achalinus</i> from Vietnam (Squamata: Xenodermatidae)	9	Zootaxa	SCIE IF:0,931 Q2	1	4590 (2)	249-269	2019
8.	A new species of <i>Amolops</i> (Anura: Ranidae) from Vietnam.	6*	Raffles Bulletin of Zoology	SCI IF: 0,716 Q2		67	363-377	2019
9.	First record of <i>Megophrys gigantea</i> Liu, Hu & Yang, 1960 (Anura: Megophryidae) from Vietnam.	4	Russian Journal of Herpetology	SCIE Q3 SJR:0,3		Chuẩn bị xuất bản, đã lên bản Proof	1-4	2019

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
1				
2				
...				

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...)

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Giải thưởng khoa học kỹ thuật “Quả cầu vàng” Việt Nam	Trung ương đoàn phối hợp với Bộ khoa học công nghệ tổ chức	Số 809-QĐKT/TWĐTN-VP ngày 29/12/2014	1
2	Giải thưởng Môi trường Việt Nam	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 1055/QĐ-BTNMT ngày 10/05/2017	1
3	Giải nhì Giải thưởng Khoa học công nghệ dành cho Giảng viên trẻ trong các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Số 4579/QĐ-BGDĐT ngày 25/10/2018	1

- Trong đó, giải thưởng được trao sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS: 02

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

Tham gia phát triển và xây dựng chương trình đào tạo các ngành Đại học Sư phạm Sinh học, Ngành Cao học Sinh học thực nghiệm và Ngành Đại học Sinh học ứng dụng của Trường Đại học Tây Bắc.

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS:
- Giờ chuẩn giảng dạy:
- Công trình khoa học đã công bố:
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ:
- Hướng dẫn NCS, ThS: Nếu thiếu 01 ThS

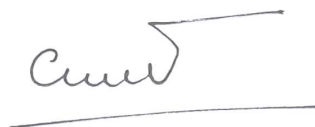
Nếu trong trường hợp số thời gian hướng dẫn 02 Ths Hoàng Lê Quốc Thắng và Bùi Thế Quyền chưa đủ thì tôi sử dụng bài báo quốc tế uy tín sau để thay thế 02 học viên này: A new species of *Cyrtodactylus* (Squamata: Gekkonidae) and the first record of *C. otai* from Son La Province, Vietnam, *Zootaxa* 4341 (1): 25–40 (SCIE, Q2, IF 0,931).

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Sơn La, ngày 02 tháng 07 năm 2019

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Phạm Văn Anh

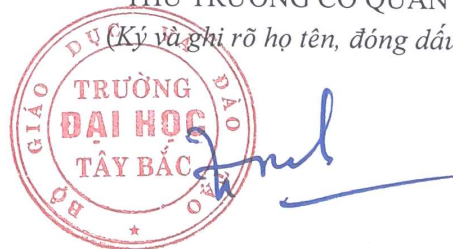
D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU NƠI ĐĂNG LÀM VIỆC

- Về nội dung "Thông tin cá nhân" ứng viên TS. Phạm Văn Anh đã kê khai là đúng sự thật.
- Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ: TS. Phạm Văn Anh luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáng chú ý 6 năm liên tiếp gần đây hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các công việc phụ trách khác.

Sơn La, ngày 2 tháng 07 năm 2019

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Triệu Sơn**